

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG TÈ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HSST

Ngày: 14/07/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG TÈ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Xuân Hải.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Công Đại

Bà: Lý Thị The.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Muờng Tè, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Muờng Tè tham gia phiên tòa:
Bà Lò Thị Kẻo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Muờng T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2022/HSST, ngày 02 tháng 06 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 07 năm 2022 đối với bị cáo:

- Lò Văn T - Tên gọi khác: Không - Giới tính: Nam - Sinh năm 1978, tại xã Muờng T, huyện Muờng T, tỉnh Lai C; Nơi cư trú: Bản Muờng T, xã Muờng T, huyện Muờng T, tỉnh Lai C; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Thái; Con ông: Lò Văn H (đã chết) và con bà Lò Thị P, sinh năm 1943; Vợ: Lò Thị N, sinh năm 1981; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 23/09/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Muờng T xử phạt 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” tính đến thời điểm phạm tội ngày 18/01/2022 chưa được xóa án tích; ngày 14/03/2022 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Muờng T, huyện Muờng T, tỉnh Lai C cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện cho bị hại (công ty cổ phần thủy điện Nậm Cúm 4): Ông Nguyễn Văn B - Sinh năm 1982 - Trú tại: Bản Nậm C, xã Muờng T, huyện Muờng T, tỉnh Lai C - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Lò Thị N - Sinh năm 1981 - Trú tại: Bản Muờng T, xã Muờng T, huyện Muờng T, tỉnh Lai C - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 18/01/2022, Lò Văn T điều khiển

xe mô tô mang biển kiểm soát 25M1-134.33, nhãn hiệu Honda, loại RSX, màu sơn đỏ đen của gia đình đi đến thủy điện Nậm C 4 thuộc địa phận bản Nậm C, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai C, khi đến nơi T quan sát xung quang thấy không có người trông coi, quán lý. T đi đến gần 01 chiếc thùng gỗ để ở bên lề đường quốc lộ 4H, đối diện nhà kho của nhà điều hành thủy điện Nậm C 4, T lấy trộm bên trong thùng gỗ được 10 thanh kim loại sắt hình chữ V có chiều dài khác nhau từ 40cm đến 110cm; 02 thanh kim loại sắt hình ngũ giác không đều mỗi thanh có chiều dài của cạnh dài nhất là 30cm, cạnh rộng nhất là 22cm và 29 bu lông T56, rồi cho vào bao tải màu cam, sau đó T chở số tài sản trên đi về để tìm chỗ bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Đến khoảng 01 giờ ngày 19/01/2022, khi T đi đến khu vực bản Mường T, xã Mường T thì bị tổ công tác Công an xã Mường T đang làm nhiệm vụ yêu cầu T dừng xe để kiểm tra, tại đây Lò Văn T đã thừa nhận hành vi trộm cắp toàn bộ số tài sản trên, tổ công tác tiến hành lập biên bản vụ việc và thu giữ toàn bộ vật chứng có liên quan.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐ-ĐGTS ngày 24/02/2022 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mường T kết luận:

- 10 thanh kim loại sắt hình chữ V có chiều dài khác nhau từ 40cm đến 110cm, có tổng khối lượng là 24,4 kg trị giá 244.000 đồng.
- 02 thanh kim loại sắt hình ngũ giác không đều mỗi thanh có chiều dài của cạnh dài nhất là 30cm, cạnh rộng nhất là 22cm, có tổng khối lượng là 7,3 kg trị giá 73.000 đồng.
- 29 bu lông T56, có tổng khối lượng là 04 kg trị giá 40.000 đồng.
- Tổng giá trị tài sản do Lò Văn T trộm cắp là 357.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 53/CT-VKS-MT, ngày 31 tháng 05 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T truy tố Lò Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử.

- Về tách nhiệm hình sự: Về tội danh, tuyên bố Lò Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt chính: Áp dụng Điều 38; Điều 50; điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Lò Văn T từ: 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng đến 01 (một) năm 8 (tám) tháng tù.

- Về tổng hợp hình phạt : Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do điều kiện kinh tế của bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: 10 thanh kim loại sắt hình chữ V có chiều dài khác nhau từ 40cm đến 110cm; 02 thanh kim loại sắt hình ngũ giác không đều mỗi thanh có chiều dài của cạnh dài nhất là 30cm, cạnh rộng nhất là 22cm và 29 bu lông T56. Quá trình điều tra, xác định những tài sản này đều thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty cổ phần thủy điện Nậm C4 do anh Nguyễn Bá B đại diện, ngày 09/05/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường T đã ra quyết

định xử lý vật chứng, trả lại tài sản nêu trên cho Công ty cổ phần thủy điện Nậm C4, nên không xem xét giải quyết.

+ Đối với chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 25M1-134.33, nhãn hiệu Honda, loại RSX, màu sơn đỏ đen là tài sản chung của gia đình, khi Lò Văn T dùng vào việc phạm tội, gia đình vợ, con không biết, do vậy cần trả lại cho gia đình bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, chị Lò Thị N không trình bày ý kiến gì về hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo. Chị đề nghị các cơ quan pháp luật xem xét, giải quyết, trả lại chiếc xe máy cho gia đình chị vì đây là tài sản duy nhất để gia đình dùng làm phương tiện phục vụ nhu cầu đời sống của cả gia đình.

Quá trình điều tra và tại phiên Tòa việc bị cáo khai là hoàn toàn khách quan, thừa nhận hành vi phạm tội của mình là đúng sự thật, bị cáo không có ý kiến gì khiếu nại về quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, nhất trí với bản luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan tiến hành tố tụng thu thập có trong hồ sơ vụ án như vậy có đủ cơ sở để kết luận. Khoảng 01 giờ ngày 19/01/2022, tại khu vực thủy điện Nậm C4 thuộc địa phận bản Nậm C, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai C. Lò Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp 10 thanh kim loại sắt hình chữ V có chiều dài khác nhau từ 40cm đến 110cm; 02 thanh kim loại sắt hình ngũ giác không đều mỗi thanh có chiều dài của cạnh dài nhất là 30cm, cạnh rộng nhất là 22cm và 29 bu lông T56 của Công ty cổ phần thủy điện Nậm C4 do anh Nguyễn Bá B đại diện. Tổng giá trị tài sản do Lò Văn T trộm cắp là 357.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng pháp luật, đúng pháp luật.

[2]. Hành vi của bị cáo Lò Văn T đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật nhà nước ta bảo vệ, làm ảnh hưởng tới trật tự,

an ninh và an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân tại địa phương. Vì vậy xét thấy cần áp dụng một hình phạt thỏa đáng nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện có ích cho xã hội và gia đình. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”. Cần được xem xét áp dụng cho bị cáo. Bị cáo có bố mẹ đẻ là người có công với cách mạng.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo Lò Văn T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, từ nhỏ được bố mẹ nuôi cho ăn học đến lớp 3/12, rồi ở nhà làm ruộng, bị cáo có bố mẹ là người được tặng huân chương kháng chiến, nhưng bản thân do lười lao động, chỉ vì mục đích tư lợi của bản thân nên đã cố ý phạm tội.

[6]. Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo ở nhà làm ruộng, thu nhập thấp, không ổn định, không có tài sản có giá trị lớn. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng: 10 thanh kim loại sắt hình chữ V có chiều dài khác nhau từ 40cm đến 110cm; 02 thanh kim loại sắt hình ngũ giác không đều mỗi thanh có chiều dài của cạnh dài nhất là 30cm, cạnh rộng nhất là 22cm và 29 bu lông T56. Quá trình điều tra, xác định những tài sản này đều thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty cổ phần thủy điện Nậm C4 do anh Nguyễn Bá B đại diện, ngày 09/05/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường T đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản nêu trên cho Công ty cổ phần thủy điện Nậm C 4, Công ty đã nhận lại được tài sản, không có ý kiến, yêu cầu gì. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 25M1-134.33, nhãn hiệu Honda, loại RSX, màu sơn đỏ đen, xe đã qua sử dụng mà bị cáo Lò Văn T sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa đã xác định được đây là tài sản chung của gia đình bị cáo và người quản lý hợp pháp của tài sản là chị Lò Thị N (*vợ của bị cáo*). Hội đồng xét xử xét thấy việc trả lại tài sản không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, nên cần trả lại chiếc xe máy này cho người quản lý hợp pháp là chị Lò Thị N, sinh năm 1981, trú tại: Bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai C.

[9]. Về án phí hình sự: Căn cứ điểm a Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố

tụng hình sự, bị cáo Lò Văn T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng.

[10]. Từ sự phân tích nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở khách quan và căn cứ pháp lý để kết luận. Bị cáo Lò Văn T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, do vậy bản cáo trạng và lời luận tội của kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền, án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lò Văn T là có cơ sở, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[11]. Về tổng hợp hình phạt của các bản án: Tại bản án số: 23/2021/HSST, ngày 23/09/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C. Bị cáo Lò Văn T bị xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Kể từ ngày 30/10/2021 đến ngày 14/07/2022, bị cáo đã chấp hành thời gian cải tạo không giam giữ là 257 ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 656 ngày, được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù để tổng hợp hình phạt chung sẽ là 656 ngày cải tạo không giam giữ chuyển thành 218 ngày tù bằng 07 tháng (bảy) tháng 08 (tám) ngày tù theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Căn cứ Điều 38; Điều 50, điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T: 01(một) năm 08 (tám) tháng tù.
- Tổng hợp hình phạt của các bản án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lò Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 07 (bảy) tháng 08 (tám) ngày + 01(một) năm 08 (tám) tháng = 02 (hai) năm 03 (ba) tháng 08 (tám) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.
- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 25M1-134.33, nhãn hiệu Honda, loại RSX, màu sơn đỏ đen cho chị Lò Thị N - Sinh năm 1981 - Trú tại: Bản Mường T, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai C.
- 3. Về hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: Không áp dụng đối với bị cáo
- 4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Lò Văn T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện M.Tè;
- Công an huyện M.Tè;
- Chi cục THADS huyện M.Tè;
- Nhà tạm giữ Công an huyện M.Tè;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lò Xuân Hải